

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Dung

2. Ông Đinh Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992

Nơi thường trú: Thôn Q, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1990

Nơi thường trú: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ hiện nay: Philippines. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào ngày 17 tháng 12 năm 2015. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Từ năm 2021, anh chị bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân. Đến năm 2022 anh Q đi nước ngoài. Sau khi đi nước ngoài, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, xác định không còn tình cảm. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Trần Phạm Trung D, sinh ngày 25/7/2017 và Trần Phạm Trung K, sinh ngày 18/11/2019. Hiện nay cháu D đang ở với chị T, cháu K đang ở với bà nội. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Phạm Trung D và cháu Trần Phạm Trung K do anh Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện thân nhân trong nước của anh Trần Văn Q là bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ của anh Q); có địa chỉ tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, xác định: Anh Trần Văn Q là con trai của bà T1, có địa chỉ thường trú tại xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay anh Q đang đi làm việc tại Philippines. Anh Q thường xuyên gọi điện liên hệ với bà T1 để trao đổi thông tin. Về địa chỉ của anh Q ở Philippines, bà T1 không biết. Chị T có đơn xin ly hôn, anh Q nhất trí ly hôn với chị T. Anh Q xác định vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Anh xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân xa cách nhau. Chị T làm việc ở Quảng Ninh, còn anh làm việc ở Thái Nguyên từ khoảng năm 2020. Năm 2022, anh Q đi lao động ở Philippines. Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Phạm Trung D, sinh ngày 25/7/2017 và Trần Phạm Trung K, sinh ngày 18/11/2019. Khi ly hôn, anh Q muốn được nuôi cháu Trần Phạm Trung K, cháu Trần Phạm Trung D để chị T nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung xác định không có. Hiện nay do anh Q đang làm việc ở nước ngoài (Philippines) nên không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để làm việc được nên anh Q thông qua thân nhân ở Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại phiên tòa giải quyết vụ án này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng:

- Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của BLTTDS: Tiếp nhận đơn, thông báo nộp tạm ứng án phí, thông báo thụ lý vụ án và tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định của BLTTDS.

- Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đủ điều kiện đưa ra xét xử theo trình tự tố tụng dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 28, 37, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn Q. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Phạm Trung D, sinh ngày 25/7/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Cháu Trần Phạm Trung K, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Trần Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có, không đề nghị giải quyết. Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Phạm Thị T là nguyên đơn có nơi thường trú tại Thôn Q, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Anh Trần Văn Q có nơi thường trú tại Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ hiện nay: Philippines. Tại Công văn số 2843/PQLNXC (Đ1) ngày 10/7/2024 của Phòng Q1, Công an tỉnh T xác định công dân Trần Văn Q, sinh ngày 25/9/1990 có thông tin xuất cảnh ngày 21/6/2022 qua cửa khẩu T2, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Thị T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh Q ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Q ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh Q là bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ của anh Q) có đủ căn cứ xác định anh Q vẫn thường xuyên liên hệ, gọi điện với bà để trao đổi thông tin nhưng bà không biết địa chỉ của anh Q ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh Q thông qua thân nhân tại Việt Nam xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Văn Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận, tuy nhiên từ năm 2020 vợ chồng đã sống xa cách nhau, tới năm 2021 vợ chồng sống ly thân. Đến năm 2022 anh Q đi lao động tại Philippines, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, xác định không còn tình cảm. Chị T xin ly hôn, anh Q nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Q là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Trần Phạm Trung D, sinh ngày 25/7/2017 và Trần Phạm Trung K, sinh ngày 18/11/2019. Hiện nay cháu D đang ở với chị T, cháu D có nguyện vọng được ở với chị T; cháu K đang ở với bà Nguyễn Thị T1, là mẹ đẻ của anh Q, anh Q có nguyện vọng được nuôi cháu K, bà T1 đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K thay anh Q trong thời gian anh Q đi lao động ở nước ngoài. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, cần tiếp tục giao con chung là cháu Trần Phạm Trung D, sinh ngày 25/7/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Trần Phạm Trung K, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh Q đi lao động tại Philippines, bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ của anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức

cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[5]. Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị T. Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Q

2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Phạm Trung D, sinh ngày 25/7/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Cháu Trần Phạm Trung K, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Trần Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác (người được ủy quyền là bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ của anh Q, có địa chỉ tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến khi anh Q về nước)

Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

2.4. Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số theo biên lai thu tiền số 0000105 ngày 18/7/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án; anh Trần Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã H, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ích Yên

